

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về Vệc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Văn D, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp NMA, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Đặng Văn D:

Hôn nhân: Bà Đặng Văn D và ông Phạm Quốc V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB vào ngày 24/12/2019. Vợ chồng chung sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông V.

Con chung: Bà Đặng Văn D và ông Phạm Quốc V có một người con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 13/9/2019 (giới tính nam), hiện do ông V đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà D tự nguyện để ông V nuôi dạy con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà D xác định vợ chồng có 01 chiếc xe Sirius 69H1-19193, hiện bà D đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe Future mang biển kiểm soát 69AC-14928 hiện ông V đang quản lý, sử dụng, vợ chồng có 14 chỉ vàng 18K trong đó bà D quản lý 08 chỉ vàng 18K, ông V quản lý 06 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, bà D không đặt ra yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia.

Nợ chung: Bà D và ông V không có nợ người khác, người khác có nợ vợ chồng nhưng hiện tại bà D không đặt ra yêu cầu xem xét.

Trình bày của ông Phạm Quốc V tại biên bản ngày 14/4/2025:

Hôn nhân: Ông Phạm Quốc V và bà Đặng Văn D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB vào ngày 24/12/2019. Do bất đồng quan điểm nên bà D yêu cầu ly hôn nhưng ông V không thống nhất ly hôn, ông xin được hòa giải đoàn tụ với bà D.

Con chung: Ông Phạm Quốc V và bà Đặng Văn D có một người con chung tên Phạm Gia Khiêm, sinh ngày 13/9/2019 (giới tính nam), hiện do ông V đang nuôi dạy. Ông V thống nhất tiếp tục nuôi dạy con chung, không đặt ra yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông Phạm Quốc V xác định vợ chồng có 01 chiếc xe Sirius 69H1-19193, hiện bà D đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe Future mang biển kiểm soát 69AC-14928 hiện ông V đang quản lý, sử dụng, vợ chồng có 15 chỉ vàng 18K hiện bà D đang quản lý. Ông V không đặt ra yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia.

Nợ chung: Ông V và bà D không có nợ người khác, người khác có nợ vợ chồng nhưng hiện tại ông V không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Đặng Văn D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Quốc V. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về Việc ly hôn; Ông Phạm Quốc V có nơi cư trú tại ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Phạm Quốc V đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông V vắng mặt không có lý do. Do đó, xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Đặng Văn D và ông Phạm Quốc V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB vào ngày 24/12/2019. Vợ chồng chung sống chung không hạnh phúc nên bà D yêu cầu ly hôn với ông V. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông V đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà D xác định không còn tình cảm với ông V, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông V. Quá trình giải quyết vụ án, ông V yêu cầu được đoàn tụ nhưng bà D cương quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Đặng Văn D và ông Phạm Quốc V được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Đặng Văn D và ông Phạm Quốc V có một người con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 13/9/2019 (giới tính nam), hiện do ông V đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà D tự nguyện để ông V nuôi dạy con chung. Xét thấy, từ trước đến nay ông V là người trực tiếp nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông V thống nhất với ý kiến của bà D về Việc nuôi con nên cần giao con chung cho ông V tiếp tục nuôi dạy, ông V không đặt ra yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, bà D không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung theo quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Tài sản chung: Bà D và ông V thống nhất xác định vợ chồng có 01 chiếc xe Sirius 69H1-19193, hiện bà D đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe Future mang biển kiểm soát 69AC-14928 hiện ông V đang quản lý, sử dụng. Bà D và ông V trình bày mâu thuẫn với nhau về Việc quản lý vàng, cụ thể bà D xác định bà quản lý 08 chỉ vàng 18K, ông V quản lý 06 chỉ vàng 18K, ông V xác định bà D quản lý 15 chỉ vàng 18K. Tuy nhiên, bà D và ông V không đặt ra yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Bà D và ông V thống nhất xác định vợ chồng không có nợ người khác, người khác có nợ vợ chồng nhưng hiện tại bà D và ông V không đặt ra yêu cầu thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ nên không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà Đặng Văn D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Văn D về Việc ly hôn đối với ông Phạm Quốc V.

Về hôn nhân: Bà Đặng Văn D và ông Phạm Quốc V được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia K, sinh ngày 13/9/2019 (giới tính nam) cho ông Phạm Quốc V tiếp tục nuôi dạy, ông V không đặt ra yêu cầu bà Đặng Văn D cấp dưỡng nuôi con, bà D không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung: Bà Đặng Văn D và ông Phạm Quốc V tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Bà D và ông V tự thỏa thuận đối Việc người khác nợ ông bà. Bà D và ông V không có nợ người khác nên không xem xét.

Về án phí: Bà Đặng Văn D phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 14 tháng 3 năm 2025, bà D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0016970 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TLB;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh